TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X **TỈNH Y**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2021/QĐST-DS	*X, ngày 05 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 159/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Duy V, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Cùng trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Đoàn Duy V, bà Phạm Thị M và anh Trần Văn T đồng ý thỏa thuận với nhau: Tính đến ngày 28/12/2020, anh T có nợ ông V và bà M tổng số tiền là 15.438.000 đồng (*Mười lăm triệu, bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng*) và không yêu cầu về lãi suất. Anh Trần Văn T đồng ý trả toàn bộ số tiền trên. Thời hạn trả nợ vào ngày 30/01/2021.

Lãi suất phát sinh do chậm trả số tiền nêu trên được xác định theo thỏa thuận của các đương sự. Nhưng các đương sự không có thỏa thuận với nhau về việc lãi suất phát sinh do chậm trả tiền.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày quyết định này được ban hành, Ông Đoàn Duy V và bà Phạm Thị M (bên được thi hành) có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Văn T (bên phải thi hành) không chịu trả số

tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đoàn Duy V và bà Phạm Thị M thỏa thuận nhận chịu toàn bộ số tiền là 385.950 đồng (*Ba trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền bà Phạm Thị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004418 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y. Anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Y;
- Đương sự;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn